

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất
trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX, kỳ họp thứ hai về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 527/TTr-STC ngày 26 tháng 9 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh.

Đối với đất chuyên trồng lúa nước khi chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Đất chuyên trồng lúa nước là đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm.

2. Đối tượng áp dụng.

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi tắt là các tổ chức, cá nhân) được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

3. Mức thu và thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

a) Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Mức thu	=	Diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp	x	Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do UBND tỉnh ban hành	x	50%
---------	---	---	---	---	---	-----



b) Thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cấp thẩm quyền theo quy định. Các tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm nộp đủ số tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

4. Phương thức nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Số tiền thu được nộp vào ngân sách cấp tỉnh, hạch toán mục lục ngân sách mục thu khác, tiểu mục 4914.

5. Quản lý và sử dụng kinh phí.

Hàng năm, căn cứ số kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do các tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp nộp vào ngân sách và kinh phí được hỗ trợ từ Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, bao gồm các nội dung sau:

a) Quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm: Căn cứ vào định mức kinh tế, kỹ thuật, các đơn vị lập dự toán chi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa trong từng thời kỳ được cấp có thẩm quyền phê duyệt của địa phương, chất lượng đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn và điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại cho cả thời kỳ và từng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Căn cứ phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa được duyệt và định mức kinh tế, kỹ thuật, các đơn vị lập dự toán chi cải tạo nâng cao đất trồng lúa (*tăng độ dày của tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, bón vôi; thau chua, rửa mặn đối với đất bị nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác*) trình cấp có thẩm quyền quyết định để làm cơ sở thực hiện.

c) Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa: Quản lý đầu tư, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo quy định pháp luật hiện hành.

d) Khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

e) Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa ngoài thực địa, lập bản đồ đất trồng lúa; chủ trì thực hiện công tác quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hoá, lý tính các vùng đất

chuyên trồng lúa nước có năng suất chất lượng cao định kỳ 10 năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

b) Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa của các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành, đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Chủ trì tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại, cải tạo các vùng đất chưa sử dụng, đất trồng lúa kém chất lượng, đất trồng lúa khác thành đất chuyên trồng lúa nước cho cả giai đoạn 2016 - 2020 và từng năm, thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đôn đốc, kiểm tra chỉ đạo các địa phương, đơn vị thực hiện phương án nêu trên sau khi được phê duyệt; tổng hợp kết quả thực hiện hàng năm của các địa phương, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trồng lúa hợp pháp, thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa. Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cục Trồng trọt*) kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa.

3. Sở Tài chính.

a) Hàng năm, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó dự kiến nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (*nguồn thu từ chuyển mục đích trên địa bàn tỉnh, nguồn Trung ương bổ sung dành cho nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa*); báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua để trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt phân bổ nguồn kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

b) Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu đề xuất danh mục các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp được đầu tư từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (*nguồn thu từ chuyển mục đích trên địa bàn tỉnh, nguồn Trung ương bổ sung dành cho nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa*); báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết bổ sung kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

a) Xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp và thông báo cho tổ chức, cá nhân sử dụng đất đúng thời hạn (*đối với dự án do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo phân cấp và đề nghị của*

Phòng Tài nguyên và Môi trường); quyết định bàn giao đất sau khi tổ chức, cá nhân sử dụng đất nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách Nhà nước (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước).

b) Chủ động sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ (theo quy định tại Khoản 5, Điều 1 của Quyết định này) để thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn vừa và nhỏ trên địa bàn và các mục tiêu khác theo quy định của chính sách, đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

c) Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương đề xuất danh mục các công trình đầu tư từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

d) Thống kê số liệu diện tích đất trồng lúa trên địa bàn và báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm liền kề trước năm xây dựng dự toán của địa phương gửi Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước tháng 7 của năm trước năm kế hoạch để tổng hợp, xây dựng dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước.

a) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai đối với điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và phải nộp một khoản tiền theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Quyết định này.

b) Lập bản kê khai số tiền phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê và nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định.

c) Áp dụng các biện pháp phòng, chống ô nhiễm, thoái hóa môi trường đất, nước, không làm ảnh hưởng tới sản xuất lúa của khu vực liền kề. Trường hợp gây ảnh hưởng xấu phải có biện pháp khắc phục kịp thời và phải bồi thường thiệt hại.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: TC, NN & PTNT, KH & ĐT; TN & MT, Tư pháp (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (giám sát);
- Ban KT - NS HĐND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: V, DT (QĐUB07).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Trung